

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật  
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 167/TTr-STP-KTrVB ngày 05 tháng 01 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục (94) văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ (gồm 77 văn bản) và một phần (gồm 17 văn bản), thuộc trách nhiệm rà soát của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong kỳ rà soát từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2017 (chi tiết xem phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. (Kèm theo Phụ lục 1 và 2)

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp, Cục KTVB;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- TT Hội đồng nhân dân TP;
- TT UB: CT, các PCT;
- VP và các Ban Thành ủy;
- VP và các Ban HĐND TP;
- VP UB: các PVP;
- Các phòng Chuyên viên;
- Trung tâm Công báo TP;
- Trung tâm tin học; City Web;
- Lưu VT, (NCPC-TNh). 156

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Cách Mạng**



**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**  
**THÀNH NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ**  
**NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật  
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2017)

\*\*\*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2017**

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|---|-------------------|
| <b>NĂM 1991</b> |                  |  |  |   |                   |
| 1               | Quyết định       | 964/QĐ-UB ngày 24/12/1991                      | Về việc điều chỉnh giá biểu thu lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến bãi, cảng...                | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2004</b> |                  |  |  |   |                   |
| 2               | Quyết định       | 150/2004/QĐ-UB ngày 09/6/2004                  | Ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | Được thay thế bởi Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về Ban hành về Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | 28/4/2017         |
| 3               | Quyết định       | 190/2004/QĐ-UB ngày 30/07/2004                 | Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh                | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 4               | Quyết định       | 242/2004/QĐ-UB ngày 22/10/2004                 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh              | Được thay thế bởi Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh  | 27/02/2017        |
| <b>NĂM 2005</b> |                  |  |  |   |                   |
| 5               | Quyết định       | 69/2005/QĐ-UB ngày 05/05/2005                  | Ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá tại thành phố Hồ                          | Được thay thế bởi Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về Ban hành Quy định  | 01/01/2018        |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|---|---|-------------------|
|                 |                  |  | Chi Minh  | về cơ chế quản lý, điều hành về giá tại thành phố Hồ Chí Minh   |                   |
| 6               | Quyết định       | 245/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005               | Về ban hành mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô và phí tạm dừng, đỗ xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh                   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2006</b> |                  |  |   |   |                   |
| 7               | Quyết định       | 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006               | Về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố | Được thay thế bởi Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 Về tổ chức lại “Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố” thành “Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố”. | 12/8/2017         |
| <b>NĂM 2007</b> |                  |  |   |   |                   |
| 8               | Nghị quyết       | 09/2007/NQ-HĐND ngày 05/7/2007                 | Về việc ban hành mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 9               | Nghị quyết       | 19/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007                | Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh                              | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 10              | Quyết định       | 05/2007/CT-UBND ngày 05/02/2007                | Về quy định nguồn tài chính và quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.                                | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 Về việc bãi bỏ văn bản   | 01/4/2017         |
| 11              | Quyết định       | 71/2007/QĐ-UBND ngày 10/05/2007                | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, tổ nhân dân   | Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố   | 05/5/2017         |
| 12              | Quyết định       | 72/2007/QĐ-UBND ngày 10/05/2007                | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố   | Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố   | 05/5/2017         |
| 13              | Quyết định       | 76/2007/QĐ-UBND ngày 16/05/2007                | Về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.  | Được thay thế bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 Về tổ chức và hoạt  | 25/10/2017        |

| Sst             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|---|--|-------------------|
|                 |                  |  |   | động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh  |                   |
| 14              | Quyết định       | 77/2007/QĐ-UBND ngày 22/05/2007                | Về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.   | Được thay thế bởi Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 Về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | 01/11/2017        |
| 15              | Quyết định       | 139/2007/QĐ- UBND ngày 20/12/2007              | Về điều chỉnh Quyết định số 190/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Thành phố                     | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2008</b> |                  |  |   |  |                   |
| 16              | Nghị quyết       | 10/2008/NQ-HĐND 05/12/2008                     | Về phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 17              | Quyết định       | 05/2008/CT-UBND ngày 27/3/2008                 | Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, ngăn ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm. | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 Về việc bãi bỏ văn bản  | 01/4/2017         |
| 18              | Quyết định       | 15/2008/QĐ-UBND ngày 12/03/2008                | Ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;   | Được thay thế bởi Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 về Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 04/5/2017         |
| 19              | Quyết định       | 87/2008/QĐ-UBND ngày 19/12/2008                | Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội   | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh                              | 28/8/2017         |
| 20              | Quyết định       | 88/2008/QĐ- UBND ngày 20/12/2008               | Về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|---|--|-------------------|
| <b>NĂM 2009</b> |                  |  |   |  |                   |
| 21              | Nghị quyết       | 08/2009/NQ-HĐND<br>09/7/2009                   | Về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn Thành phố   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 22              | Nghị quyết       | 27/2009/NQ-HĐND<br>11/12/2009                  | Về thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 23              | Nghị quyết       | 33/2009/NQ-HĐND<br>09/12/2009                  | Về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 24              | Nghị quyết       | 35/2009/NQ-HĐND<br>09/12/2009                  | Về việc thu phí tham quan Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 25              | Nghị quyết       | 37/2009/NQ-HĐND<br>09/12/2009                  | Về việc thu lệ phí chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 26              | Quyết định       | 05/2009/QĐ-UBND<br>ngày 20/01/2009             | Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện                             | Được thay thế bởi Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện   | 15/12/2017        |
| 27              | Quyết định       | 13/2009/QĐ-UBND<br>ngày 03/02/2009             | Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh.                                 | Được thay thế bởi Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh. | 10/8/2017         |
| 28              | Quyết định       | 30/2009/QĐ-UBND<br>ngày 13/4/2009              | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.                                | Được thay thế bởi Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố   | 27/02/2017        |
| 29              | Quyết định       | 34/2009/QĐ-UBND<br>ngày 06/5/2009              | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố   | Được thay thế bởi Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 về Ban hành Quy chế   | 17/03/2017        |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|---|---|-------------------|
|                 |                  |  | Hồ Chí Minh   | tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.  |                   |
| 30              | Quyết định       | 52/2009/QĐ-UBND ngày 10/7/2009                 | Về điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16/5/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Được thay thế bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 về tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh  | 25/10/2017        |
| 31              | Quyết định       | 55/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009                 | Về ban hành mức thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 32              | Quyết định       | 89/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009                | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh.                | Được thay thế bởi Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về Ban hành Quy chế Đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh. | 10/7/2017         |
| 33              | Quyết định       | 72/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009                 | Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện   | Được thay thế bởi Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 11/3/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện.  | 21/3/2017         |
| 34              | Quyết định       | 73/2009/QĐ-UBND ngày 30/09/2009                | Ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.  | Được thay thế bởi Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.                 | 15/9/2017         |
| <b>NĂM 2010</b> |                  |  |   |   |                   |
| 35              | Nghị quyết       | 10/2010/NQ-HĐND ngày 08/10/2010                | Về thu phí thăm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 36              | Nghị quyết       | 21/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010                | Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 37              | Quyết định       | 06/2010/QĐ-UBND ngày 23/01/2010                | Về sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh ban  | Được thay thế bởi Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển   | 10/8/2017         |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|---|--|-------------------|
|                 |                  |  | hành kèm theo Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.  | chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh.   |                   |
| 38              | Quyết định       | 20/2010/QĐ-UBND ngày 29/03/2010                | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, tổ nhân dân      | Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố  | 05/5/2017         |
| 39              | Quyết định       | 21/2010/QĐ-UBND ngày 29/03/2010                | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố. | Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố  | 05/5/2017         |
| 40              | Quyết định       | 69/2010/QĐ-UBND ngày 22/05/2007                | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh  | Được thay thế bởi Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh   | 30/11/2017        |
| 41              | Quyết định       | 73/2010/QĐ-UBND ngày 05/10/2010                | Sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.  | Được thay thế bởi Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.                                    | 15/9/2017         |
| 42              | Quyết định       | 76/2010/QĐ-UBND ngày 08/10/2010                | Ban hành Quy định về quy trình thanh tra quản lý, sử dụng đất đai tại thành phố Hồ Chí Minh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 16/01/2017        |
| <b>NĂM 2011</b> |                  |  |   |  |                   |
| 43              | Nghị quyết       | 32/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011                | Về thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 44              | Quyết định       | 14/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011                 | Ban hành Quy chế tổ chức và quản lý công tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa | 20/01/2017        |

| SĐT             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|--|-------------------|
|                 |                  |  |  | văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  |                   |
| 45              | Quyết định       | 1914/QĐ-UBND ngày 15/4/2011                    | Về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án đấu thầu, đặt hàng thực hiện và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa hệ thống hạ tầng thuộc lĩnh vực giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh | Được thay thế bởi Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về Ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | 15/10/2017        |
| 46              | Quyết định       | 67/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011                | Ban hành quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 về Ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 1/4/2017          |
| 47              | Quyết định       | 75/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011                | Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 20/01/2017        |
| <b>NĂM 2012</b> |                  |  |  |  |                   |
| 48              | Nghị quyết       | 03/2012/NQ-HĐND 01/03/2012                     | Về việc tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 49              | Quyết định       | 08/2012/QĐ-UBND ngày 06/3/2012                 | Về tăng mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 50              | Quyết định       | 16/2012/QĐ-UBND ngày 18/4/2012                 | ban hành Quy trình về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 Về việc bãi bỏ văn bản  | 15/10/2017        |
| 51              | Quyết định       | 29/2012/QĐ-UBND ngày 14/7/2012                 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.  | Được thay thế bởi Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố.   | 26/01/2017        |



| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|---|-------------------|
| <b>NAM 2013</b> |                  |  |  |   |                   |
| 52              | Nghị quyết       | 09/2013/NQ-HĐND ngày 13/07/2013                | Về quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | Được thay thế bởi Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 Về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018        |
| 53              | Nghị quyết       | 13/2013/NQ-HĐND ngày 13/07/2013                | Về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 Về quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước  | 01/01/2018        |
| 54              | Nghị quyết       | 27/2013/NQ-HĐND 10/12/2013                     | Về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 55              | Quyết định       | 06/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013                | Về ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 56              | Quyết định       | 16/2013/QĐ-UBND ngày 13/5/2013                 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và đào tạo.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh   | 04/3/2017         |
| <b>NAM 2014</b> |                  |  |  |   |                   |
| 57              | Nghị quyết       | 31/2014/NQ-HĐND 30/12/2014                     | Về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh   | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 58              | Quyết định       | 15/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014                 | Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 59              | Quyết định       | 19/2014/CT-UBND ngày 25/08/2014                | Về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố.   | Được thay thế bởi Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 về Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố  | 04/5/2017         |

| Sst             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|---|-------------------|
| 60              | Quyết định       | 18/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014                 | Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011. | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 về Ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | 1/4/2017          |
| 61              | Quyết định       | 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014                 | Quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được thay thế bởi Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | 30/6/2017         |
| 62              | Quyết định       | 33/2014/QĐ-UBND ngày 15/10/2014                | Quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa.  | Được thay thế bởi Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 về Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa  | 01/01/2018        |
| 63              | Quyết định       | 49/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014                | Về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú nhất định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú nhất định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được thay thế bởi Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 Về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | 01/8/2017         |
| <b>NĂM 2015</b> |                  |  |  |   |                   |
| 64              | Nghị quyết       | 01/2015/NQ-HĐND 29/7/2015                      | Về phương án thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 65              | Nghị quyết       | 17/2015/NQ-HĐND 09/12/2015                     | Về mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản  | 01/01/2018        |
| 66              | Quyết định       | 5614/QĐ-UBND ngày 03/01/2015                   | Về ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.  | 01/11/2017        |
| 67              | Quyết định       | 17/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015                 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh   | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh  | 24/3/2017         |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|--|-------------------|
| 68              | Quyết định       | 18/2015/QĐ-UBND ngày 07/04/2015                | Ban hành Quy định về tiêu chuẩn công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.   | 01/11/2017        |
| 69              | Quyết định       | 19/2015/QĐ-UBND ngày 07/4/2015                 | Ban hành Bộ Đơn giá sản phẩm do đặc bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | Được thay thế bởi Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND 20/01/2017 về ban hành bộ Đơn giá sản phẩm do đặc bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 30/01/2017        |
| 70              | Quyết định       | 29/2015/QĐ- UBND ngày 11/6/2015                | Bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ- UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| 71              | Quyết định       | 41/2015/QĐ- UBND ngày 19/8/2015                | Về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản   | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2016</b> |                  |  |  |  |                   |
| 72              | Quyết định       | 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/03/2016                | Về sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.   | 01/11/2017        |
| 73              | Quyết định       | 09/2016/QĐ-UBND ngày 25/3/2016                 | Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.  | Được thay thế bởi Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  | 02/4/2017         |
| 74              | Quyết định       | 3241/QĐ-UBND ngày 24/6/2016                    | Về phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản vô chủ, tài sản bị  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.   | 01/11/2017        |

| Số                         | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|----------------------------|------------------|--|--|--|-------------------|
|                            |                  |  | đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế theo quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.  |  |                   |
| 75                         | Quyết định       | 39/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016                 | Ban hành Quy chế sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho một số nội dung hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2021 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017        |
| 76                         | Quyết định       | 5371/QĐ-UBND ngày 12/10/2016                   | Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017        |
| <b>NĂM 2017</b>            |                  |  |  |  |                   |
| 77                         | Quyết định       | 25/2017/QĐ-UBND ngày 28/04/2017                | Ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017        |
| <b>Tổng số: 77 văn bản</b> |                  |  |  |  |                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2017:** Không có

**C. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2017 VÀ TRONG NĂM 2017:** Không có

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN**  
**NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố  
Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực)

\*\*\*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017**

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|---|---|--|-------------------|
| <b>NĂM 2004</b> |                  |   |   |  |                   |
| 1               | Nghị quyết       | 14/2004/NQ-HĐ ngày 16/7/2004 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2004.  | Nội dung: "Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận phương án 1 về mức thu như đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng ý tỷ lệ để lại đơn vị cấp nước 1%, phường-xã 15% và phải thực hiện đúng mục đích chi" tại Khoản 7.2 Mục 7 phần II của Nghị quyết | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản                                   | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2010</b> |                  |   |   |  |                   |
| 2               | Quyết định       | 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động. | Điểm c khoản 1 Điều 2 tại Bảng quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND   | Được sửa đổi bởi Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 | 01/9/2017         |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|--|--|--|-------------------|
| <b>NĂM 2011</b> |                  |  |  |  |                   |
| 3               | Nghị quyết       | 28/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011 của Hội đồng nhân dân về nâng mức phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố và Công an viên  | Các nội dung phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố   | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Về điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Dân quân Tự vệ; nâng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp trang phục đối với lực lượng Bảo vệ dân phố | 01/01/2018        |
| <b>NĂM 2012</b> |                  |  |  |  |                   |
| 4               | Quyết định       | 30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch  | Điều kiện tuyển dụng "có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh" tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 30/2012/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản  | 01/11/2017        |
| <b>NĂM 2014</b> |                  |  |  |  |                   |
| 5               | Nghị quyết       | 11/2014/NQ-HĐND ngày 11/6/2014 của Hội đồng nhân dân về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp | Nội dung quy định mức khoán hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng tháng đối với khu phố, ấp tại Khoản 3.1, Điều 1   | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nâng mức hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân  | 01/8/2017         |
| 6               | Quyết định       | 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày   | Nhóm tuyến đường đôi tên, chỉnh đoạn, điều chỉnh, bổ sung giá đất tại Bảng 6 - Bảng giá đất ở các quận - huyện: 2, 6,                                      | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 22/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-   | 01/8/2017         |

| Stt             | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/trích yếu nội dung của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----------------|------------------|---|--|---|-------------------|
|                 |                  | 31/12/2019  | 9, 10,11, Thủ Đức, Gò Vấp, Tân Phú, Phú Nhuận, Bình Tân, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ, Nhà Bè, Củ Chi.         | UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019.   |                   |
| <b>NĂM 2015</b> |                  |   |  |   |                   |
| 7               | Quyết định       | 36/2015/QĐ-UBND ngày 24/07/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố | Khoản 4 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND                                    | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản   | 01/11/2017        |
| 8               | Quyết định       | 44/2015/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh                              | Khoản 3 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND                                    | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản   | 01/11/2017        |
| 9               | Quyết định       | 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh.         | Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 6, Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND           | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ   | 26/3/2017         |
| <b>NĂM 2016</b> |                  |   |  |   |                   |
| 10              | Nghị quyết       | 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.                       | Nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Khoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C Phụ lục 1B | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Phụ lục 1B của Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố | 01/8/2017         |
|                 |                  |   | Nội dung quy định mức  | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số   | 01/01/2018        |

| Stt | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-------------------|
|     |                  |   | thu "lệ phí đăng ký cư trú" tại Khoản 1 Mục II Phụ lục 01   | 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  |                   |
|     |                  |   | Nội dung quy định mức thu "lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh" tại Khoản 4 Mục II Phụ lục số 01 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh            | 01/01/2018        |
|     |                  |   | Nội dung quy định về mức thu phí thăm quan bảo tàng được quy định tại Khoản 10, Mục I, Phụ lục 01   | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thăm quan các bảo tàng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao quản lý   | 01/01/2018        |
|     |                  |   | Nội dung thu phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Điểm 3 Mục I Phụ lục số 01   | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thăm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh                    | 01/01/2018        |
|     |                  |   | Điểm 7 mục II Phụ lục số 01   | Được thay thế bởi Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018        |



| Stt | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-------------------|
| 11  | Quyết định       | 03/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều a và Điều b Khoản 1 Điều 6</li> <li>• Nội dung "bản sao hộ khẩu thường trú" tại Điều c Khoản 1 Điều 7</li> </ul>  | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản  | 01/11/2017        |
| 12  | Quyết định       | 04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND</li> <li>• Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND</li> </ul>      | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản  | 01/11/2017        |
| 13  | Quyết định       | 14/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 | Thành phần hồ sơ "Bản sao giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú ... tốt nghiệp đại học loại giỏi, tuổi đời dưới 30" tại Khoản 2 Điều 1   | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản  | 01/11/2017        |
| 14  | Quyết định       | 20/2016/QĐ-UBND ngày 09/06/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố  | Điều d Khoản 1 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 20/2016/QĐ-UBND  | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017        |
| 15  | Quyết định       | 36/2016/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND</li> <li>• Điều b Khoản 2 Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-</li> </ul> | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017        |

| Stt                        | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|----------------------------|------------------|---|---|--|-------------------|
|                            |                  |   | UBND  |  |                   |
| 16                         | Quyết định       | 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | Nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Khoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C, Phần 2 Phụ lục 13 Mức thu lệ phí hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Phụ lục 13 Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.  | 01/8/2017         |
| <b>NĂM 2017</b>            |                  |   |   |  |                   |
| 17                         | Quyết định       | 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều 7</li> <li>• Khoản 4 Điều 9</li> </ul>  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND | 27/11/2017        |
| <b>Tổng số: 17 văn bản</b> |                  |   |   |  |                   |

**B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017:** Không có

**C. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2017 VÀ TRONG NĂM 2017:** Không có

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**